

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG**

Số 1 Lương Định Của -Phương Mai -Đông Đa-Hà Nội

-----



## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Hà Nội T2- 2016

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
<b>A – Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100</b>		<b>831.220.471.375</b>	<b>470.989.107.352</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>68.677.496.884</b>	<b>99.023.212.818</b>
1. Tiền	111	V.1	61.477.496.884	78.423.212.818
2. Các khoản tương đương tiền	112	V.2b	7.200.000.000	20.600.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>2.439.993.900</b>	<b>2.386.660.700</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	3.944.000.000	3.944.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122	V.2a	(1.504.006.100)	(1.557.339.300)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>324.102.736.022</b>	<b>143.065.577.645</b>
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	280.417.301.904	113.501.026.773
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		15.443.261.834	13.306.510.090
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		200.000.000	
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	32.698.702.684	20.029.395.833
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.5	(4.700.561.527)	(3.771.355.051)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		44.031.126	
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	V.6	<b>426.924.415.846</b>	<b>224.677.968.327</b>
1. Hàng tồn kho	141		441.636.021.579	228.349.336.304
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(14.711.605.733)	(3.671.367.977)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>9.075.828.724</b>	<b>1.835.687.862</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	5.343.737.428	1.828.287.862
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.545.544.620	7.400.000
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		263.506.459	
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		(76.959.783)	
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>733.189.005.228</b>	<b>482.018.725.808</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>459.469.789.619</b>	<b>57.674.083.803</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	243.947.201.429	51.650.313.468
- Nguyên giá	222		368.902.286.257	103.135.721.404
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(124.955.084.828)	(51.485.407.936)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	215.522.588.190	6.023.770.335
- Nguyên giá	228		227.714.541.187	10.978.387.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(12.191.952.997)	(4.954.616.665)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>			
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>14.258.332.636</b>	<b>26.820.163.405</b>
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		14.258.332.636	26.820.163.405
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>13.284.779.229</b>	<b>379.712.637.822</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2c	-	
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.2c	-	371.414.557.822
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	13.333.640.000	8.298.080.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(48.860.771)	
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>246.176.103.744</b>	<b>17.811.840.778</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		12.339.663.924	107.276.119
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		3.676.249.636	
5. Lợi thế thương mại	269		230.160.190.184	17.704.564.659
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.564.409.476.603</b>	<b>953.007.833.160</b>

**CÔNG TY CP GIỒNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG**

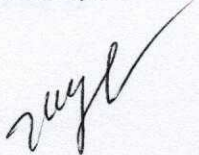
Địa chỉ : Số 1 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

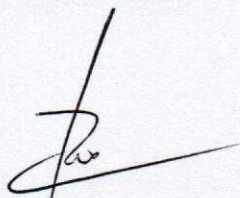
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>592.670.808.496</b>	<b>202.336.568.425</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>499.379.349.216</b>	<b>202.297.816.425</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	110.387.430.055	90.499.209.984
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		33.006.609.796	17.569.562.855
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	6.990.818.770	2.980.775.433
4. Phải trả người lao động	314		39.746.623.994	31.557.582.847
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	11.199.988.472	649.463.428
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		69.739.000	
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15a	52.243.234.142	15.992.893.341
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	217.236.158.460	25.424.000.000
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		28.498.746.527	17.624.328.537
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>93.291.459.280</b>	<b>38.752.000</b>
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.15b	1.296.541.095	38.752.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		57.888.237.200	
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		34.106.680.985	
<b>B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>		<b>971.738.668.107</b>	<b>750.671.264.735</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>774.347.817.878</b>	<b>744.945.670.425</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.16	152.950.000.000	152.950.000.000
- Cổ phiếu cổ đông có quyền biểu quyết	411a		152.950.000.000	152.950.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.16	331.245.527.850	331.245.527.850
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(20.000.000)	
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.16	197.714.342.649	140.933.342.530
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.16	92.457.947.379	119.816.800.045
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(2.914.802.495)	(2.463.796.397)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		95.372.749.874	122.280.596.442
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	
Lợi ích của cổ đông thiểu số	429		197.390.850.229	5.725.594.310
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.564.409.476.603</b>	<b>953.007.833.160</b>

NGƯỜI LẬP



Nguyễn Thị Như Quỳnh

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Phan Thế Tý

Lập ngày 03 tháng 02 năm 2016

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Kim Liên

Báo cáo tài chính này phải được đọc chung với các thuyết minh kèm theo

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Từ ngày 01/10/2015 đến ngày 31/12/2015

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý này		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1	466.225.315.552	248.976.223.601	1.375.174.929.360	762.033.468.300
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	2		(39.667.788.120)	(9.531.216.683)	(126.552.065.972)	(49.124.938.633)
<b>3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>VI.3</b>	<b>426.557.527.432</b>	<b>239.445.006.918</b>	<b>1.248.622.863.388</b>	<b>712.908.529.667</b>
4 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	VI.4	(273.646.108.879)	(157.229.950.764)	(793.511.180.555)	(466.246.228.152)
<b>5 Lợi nhuận/(lỗ) gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>152.911.418.553</b>	<b>82.215.056.154</b>	<b>455.111.682.833</b>	<b>246.662.301.515</b>
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	1.906.152.123	1.715.565.561	5.669.603.794	5.245.912.569
7 Chi phí tài chính	22		(4.877.229.891)	(2.776.982.928)	(30.351.140.851)	(3.646.380.792)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		(2.969.974.280)	(515.206.872)	(8.412.808.851)	(638.436.191)
Lai lo công ty liên doanh liên kết	24		0	4.926.558.118	4.049.884.036	6.093.545.936
8 Chi phí bán hàng	25		(46.945.845.768)	(20.336.727.555)	(123.865.568.497)	(61.246.676.378)
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		(56.861.112.455)	(23.904.158.162)	(142.100.088.577)	(67.871.388.281)
<b>10 Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>46.133.382.561</b>	<b>41.839.311.188</b>	<b>168.514.372.738</b>	<b>125.237.314.569</b>
11 Thu nhập khác	31	VI.6	3.129.320.748	642.086.919	12.877.156.688	1.659.912.274
12 Chi phí khác	32		(2.790.996.037)	(131.397.249)	(3.062.065.758)	(692.500.357)
<b>13 Lợi nhuận/(lỗ) khác</b>	<b>40</b>		<b>338.324.711</b>	<b>510.689.670</b>	<b>9.815.090.930</b>	<b>967.411.917</b>
<b>15 Tổng lợi nhuận/(lỗ) trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>46.471.707.272</b>	<b>42.350.000.858</b>	<b>178.329.463.668</b>	<b>126.204.726.486</b>
16 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	(5.906.771.911)	(331.004.726)	(23.419.262.711)	(2.176.296.985)
17 (Chi phí)/thu nhập thuế TNDN hoãn lại	52		862.010.749	0	2.121.806.242	0
<b>18 Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>41.426.946.111</b>	<b>42.018.996.132</b>	<b>157.032.007.200</b>	<b>124.028.429.501</b>
<i>Lợi ích của công ty mẹ</i>	61		42.176.097.182	41.815.793.036	141.557.883.872	122.758.068.442
<i>Lãi thuộc về các cổ đông thiểu số</i>	62		(749.151.071)	203.203.096	15.474.123.328	1.270.361.059
<b>19 Lãi trên cổ phiếu [đối với công ty cổ phần] [1]</b>	<b>70</b>				9.255	8.407
- Lãi cơ bản					9.255	8.407
- Lãi suy giảm						

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Như Quỳnh

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Phan Thế Tý

Lập ngày 03 tháng 02 năm 2016

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Kim Liên

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Tại ngày 31/12/2015

Đơn vị: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH</b>				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		1.165.377.002.753	723.115.089.052
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	2		(789.597.093.050)	(507.967.971.866)
Tiền chi trả cho người lao động	3		(112.657.216.444)	(63.055.197.064)
Tiền lãi vay đã trả	4		(8.012.447.914)	(530.069.969)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	5		(29.763.868.532)	(1.870.569.425)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		98.420.585.565	39.192.110.921
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(185.462.358.766)	(80.298.106.580)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>138.304.603.612</b>	<b>108.585.285.069</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21		(101.353.899.676)	(32.702.404.864)
Tiền thu hồi từ thanh lý TSCĐ	22		205.990.909	140.000
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(20.000.000.000)	
Tiền thu hồi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		21.413.953.964	236.749.895
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(170.360.575.198)	(372.639.229.593)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		7.119.520.126	
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		31.309.208.842	4.881.379.139
<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(231.665.801.033)</b>	<b>(400.223.365.423)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		-	329.231.825.000
Tiền mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(20.000.000)	(102.270.000)
Tiền thu từ đi vay	33		470.184.970.404	182.865.963.833
Tiền trả nợ gốc vay	34		(301.445.377.308)	(160.041.963.833)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(105.699.669.599)	(15.423.108.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>63.019.923.497</b>	<b>336.530.447.000</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(30.341.273.924)</b>	<b>44.892.366.646</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>99.023.212.818</b>	<b>54.122.278.528</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>		<b>(4.442.010)</b>	<b>8.567.644</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>		<b>68.677.496.884</b>	<b>99.023.212.818</b>

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Như Quỳnh

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Phan Thế Tý

Lập ngày 03 tháng 02 năm 2016

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Kim Liên

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần.**

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương được cổ phần hoá từ Doanh nghiệp nhà nước mang tên Công ty Giống cây trồng Trung ương 1 thành Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương theo Quyết định số 5029 QĐ/BNN-TCCB ngày 10 tháng 11 năm 2003 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103003628 ngày 06 tháng 02 năm 2004. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi bổ sung về vốn điều lệ, ngành nghề kinh doanh của Công ty đã lần lượt được chứng nhận tại Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103003628 thay đổi lần 2 ngày 25/09/2006, thay đổi lần 3 ngày 16/11/2006, thay đổi lần 4 ngày 02/11/2007, thay đổi lần 5 ngày 21/04/2008, thay đổi lần thứ 6 ngày 22/09/2009, thay đổi lần 7 ngày 11/11/2010, thay đổi lần 8 ngày 23/09/2011, thay đổi lần 9 ngày 21/01/2013, thay đổi lần 10 ngày 30/06/2014 và thay đổi lần 11 ngày 04/11/2014.

**2. Lĩnh vực kinh doanh chính : Nông nghiệp.**

**3. Ngành nghề kinh doanh.**

Ngày 04/11/2014, công ty thay đổi đăng ký kinh doanh lần thứ 11, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp mới số 0101449271. Theo đó ngành, nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp
- Xử lý hạt giống để nhân giống.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu : Xuất nhập khẩu trực tiếp về giống cây trồng và vật tư phục vụ sản xuất giống cây trồng.
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu.
- Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp.
- Bán buôn gạo.
- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh.
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào lưu động hoặc tại chợ.
- Bán buôn thực phẩm.
- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh.
- Chế biến và bảo quản rau.
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản.
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh.
- Bán buôn chuyên doanh khác.
- Bán lẻ hàng hóa khác, mới trong các cửa hàng.
- Trồng cây cà phê, cây điều, cây chè.
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ
- Sản xuất thực phẩm khác.

# CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

4. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường : 6 tháng**
5. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính.**
6. **Cấu trúc doanh nghiệp**
  - **Danh sách các công ty con được hợp nhất gồm 3 công ty**
  - **Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hà Tây**  
Địa chỉ : số 2 Ba La, Phường Phú Lãm, Quận Hà Đông, Tp Hà Nội.  
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 53,8%  
Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 53,8%
  - **Công ty Cổ phần Giống Nông lâm nghiệp Quảng Nam**  
Địa chỉ : Quốc Lộ 1A, Xã Điện Thắng Bắc, Huyện Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam  
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 90,02%  
Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 90,02%
  - **Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam.**  
Địa chỉ : số 282 Lê Văn Sỹ, P01, Quận Tân Bình, Tp Hồ Chí Minh.  
Tỷ lệ phần sở hữu : 61,49%  
Tỷ lệ quyền biểu quyết : 61,49%
- Công ty có trụ sở chính tại số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội.  
Danh sách các đơn vị trực thuộc như sau:
  - Chi nhánh Miền Trung
  - Chi nhánh Thái Bình
  - Chi nhánh Miền Trung và Tây Nguyên
  - Chi nhánh Thanh Hóa
  - Chi nhánh Hà Nam
  - Xí nghiệp Ba Vì
  - Trung tâm nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ tại Ba Vì
  - Trung tâm nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ tại Khoái Châu
  - Nhà máy chế biến Thường Tín
  - Văn phòng đại diện tại tỉnh Udomxay.

Đến ngày 31/12/2015 tổng số cán bộ nhân viên Công ty và Công ty con là 807 người.

## II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN.

1. Kỳ kế toán năm của Công ty được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 dương lịch .
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng : Chế độ kế toán doanh nghiệp năm 2015 theo Thông tư 200/2014/TT-BTC và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.
2. Báo cáo tài chính Hợp nhất được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

1. Nguyên tắc chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam : Báo cáo tài chính được lập bằng Đồng Việt Nam.
2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán : USD, CNY, LAK.
3. Nguyên tắc xác định lãi suất thực tế (lãi suất hiệu lực) dùng để chiết khấu dòng tiền : theo lãi suất ngân hàng nhà nước.
4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền  
Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.  
Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.
5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính.
  - a. Chứng khoán kinh doanh  
Được ghi nhận theo nguyên giá, tại thời điểm lập báo cáo công ty đánh giá lại khoản đầu tư và trích lập dự phòng giảm giá đầu tư khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nêu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Nếu giá trị thu hồi của khoản đầu tư tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Việc trích lập và hoàn nhập không được vượt quá nguyên giá của khoản đầu tư.
  - b. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn  
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty và các công ty con có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:
    - + Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
    - + Các khoản đầu tư đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán.
    - + Các đầu tư thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.
  - c. Các khoản cho vay  
Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.
  - d. Đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết  
Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết được Công ty được phản ánh trong Báo cáo Tài chính theo giá gốc.  
Cổ tức nhận được từ các công ty con và công ty liên doanh, liên kết ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính.
  - đ. Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác
  - e. Các phương pháp kế toán đối với các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

**6. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được trình bày theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu có khả năng không thu được.

**7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

➤ Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá hàng tồn kho và đảm bảo giá trị ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thị trường có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

➤ Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ hàng tồn kho và chi phí dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

➤ Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

➤ Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 “Hàng tồn kho” và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

**8. Nguyên tắc ghi nhận và các khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư:**

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định (TSCĐ) bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào hoạt động. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới TSCĐ được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi TSCĐ được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian sử dụng ước tính của các tài sản như sau:

**Loại tài sản cố định:**

**Thời gian (năm)**

**Tài sản cố định hữu hình**

Máy móc, trang thiết bị

5 – 7

Thiết bị văn phòng

5 – 6

Phương tiện vận tải, truyền dẫn.

6 - 10

Nhà cửa vật kiến trúc

10 – 25

**Tài sản cố định vô hình**

Bản quyền, bằng sáng chế

5

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

**9. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước là giá trị còn lại của công cụ dụng cụ đã xuất dùng phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần trong thời gian được ước tính hợp lý kể từ khi phát sinh, tối đa không quá 3 năm.

**10. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả**

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

**11. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Các khoản vay được ghi nhận theo giá gốc

**12. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay, có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó khi có đủ điều kiện theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

Các chi phí đi vay được vốn hoá khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí lãi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Việc vốn hoá các chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong năm.

**13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.**

Chi phí phải trả là các khoản chi phí thực tế đã phát sinh nhưng chưa thanh quyết toán tại thời điểm lập báo cáo tài chính được trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ trên cơ sở nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó.

**15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận khi công ty được thanh toán tiền trước khi thực hiện công việc để kiếm được doanh thu đó. Doanh thu chưa thực hiện chính là khoản nợ phải trả của công ty cho khách hàng do đã nhận tiền của khách hàng nhưng chưa cung cấp hàng hóa hay dịch vụ cho khách hàng.

**16. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu.**

➤ Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí tăng thêm được phân bổ trực tiếp vào giá phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ từ vốn chủ sở hữu.

➤ Khi nhận được vốn từ các cổ đông, chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

- Khi vốn cổ phần mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền để thanh toán, bao gồm các chi phí có liên quan sau khi đã trừ đi các ảnh hưởng của thuế được ghi nhận là một khoản giảm trừ từ vốn chủ sở hữu và được phân loại là cổ phiếu quỹ. Khi phát hành lại cổ phiếu quỹ được mua lại, chênh lệch giữa giá phát hành và giá mua lại được ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần.
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận theo chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh do thay đổi tỷ giá chuyển đổi tiền tệ khi ghi sổ kế toán, chưa được xử lý tại thời điểm báo cáo.
- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN.

**17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

- Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã được chuyển giao hoặc dịch vụ đã được cung cấp cho người mua và Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá và được khách hàng chấp nhận thanh toán, đồng thời xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ. Doanh thu không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi lợi ích kinh tế hoặc liên quan đến hàng bán bị trả lại.
- Doanh thu hoạt động tài chính là lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.  
Lãi tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn được ghi nhận trên cơ sở thông báo lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng hoặc được ghi nhận theo lãi suất quy định trong hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn.  
Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được thực hiện.
- Thu nhập khác là các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

**18. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm các khoản: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại, không phản ánh các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp.

**19. Nguyên tắc giá vốn hàng bán**

Ghi nhận giá vốn hàng bán tuân thủ nguyên tắc phù hợp, nguyên tắc nhất quán.

**20. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính**

Chi phí tài chính được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp.

Chi phí hoạt động tài chính chủ yếu là các khoản chi phí lãi tiền vay, lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện, dự phòng giảm giá các khoản đầu tư phát sinh trong năm. Trong đó, chi phí lãi tiền vay bao gồm lãi vay phải trả trong năm của các khoản vay ngắn và dài hạn của Công ty.

Chi phí lãi vay được ghi nhận theo số lãi vay thực tế phải trả được xác định trên cơ sở nợ gốc, lãi suất vay và thời gian vay trong năm.

**21. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp.

**22. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

# CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

### ➤ **Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty là doanh nghiệp khoa học và công nghệ theo Giấy chứng nhận số 03/DNKHCN của Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hà Nội cấp ngày 1 tháng 3 năm 2011. Căn cứ Thông tư 123/2012/TT-BTC ngày 27 tháng 07 năm 2012 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế TNDN, Công ty được miễn, giảm thuế TNDN đối với kết quả sản xuất kinh doanh hình thành từ sản phẩm nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ với điều kiện doanh thu của sản phẩm nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ năm thứ nhất đạt 30%, năm thứ 2 đạt 50%, từ năm thứ 3 trở đi đạt 70% tổng doanh thu. Năm 2015 là năm thứ 5 Công ty đáp ứng được điều kiện trên nên thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2015 Công ty phải nộp là 5%.

Các khoản thu nhập khác Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN hàng năm theo quy định hiện hành là 22% (thay đổi từ ngày 01/1/2014).

### ➤ **Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):**

Sản phẩm giống cây trồng do Công ty sản xuất, kinh doanh thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng.

Đối với các dịch vụ khác thuế suất thuế GTGT: 5%, 10%

➤ **Các loại thuế, phí, lệ phí khác:** được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

### 23. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán Chi phí xây dựng dở dang

Phản ánh các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

### 24. Các nguyên tắc và phương pháp lập BCTC hợp nhất.

#### ➤ Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo của Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương và báo cáo tài chính của các Công ty con - Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hà Tây; Công ty CP Giống Nông lâm nghiệp Quảng Nam và Công ty cổ phần Giống cây trồng Miền Nam được lập cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày cuối kỳ kế toán. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của Công ty con.

# CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

- Phương pháp kế toán trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn khi xác định lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua cổ phần giá rẻ, giá phí khoản đầu tư vào công ty con được tính là tổng của chi phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát của công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày công ty mẹ kiểm soát công ty con.

Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát : Lợi ích cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của Công ty. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

- Phương pháp loại trừ các giao dịch nội bộ: Các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ và các số dư nội bộ giữa Công ty mẹ và công ty con được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính. Khoản lãi vay và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Công ty và các công ty con tại công ty liên kết.
- Trên Báo cáo tài chính hợp nhất lợi thế thương mại là phần phụ trội giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ của công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.
- Công ty liên kết là một công ty và Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.  
Trong Báo cáo Tài chính hợp nhất, các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp này, các khoản góp vốn liên kết được trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc và được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 1. Tiền

	31/12/2015 (VND)	01/01/2015 (VND)
Tiền mặt tại quỹ	5,500,036,955	7,859,039,154
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	55,977,459,929	70,564,173,664
Tiền đang chuyển		
<b>Cộng</b>	<b>61,477,496,884</b>	<b>78,423,212,818</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG**

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

**2. Các khoản đầu tư tài chính****a. Chứng khoán kinh doanh.**

	31/12/2015 (VND)			01/01/2015 (VND)		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Tổng giá trị cổ phiếu	3,944,000,000	2,439,993,900	(1,504,006,100)	3,944,000,000	2,386,660,700	(1,557,339,300)
Công ty CP cảng rau quả (VGP)	- 3,944,000,000	2,439,993,900	(1,504,006,100)	3,944,000,000	2,386,660,700	(1,557,339,300)

**b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2015 (VND)		01/01/2015 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
b1. Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	7,200,000,000	7,200,000,000	20,600,000,000	20,600,000,000
Trái phiếu				

**c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Tỷ lệ sở hữu (%)			
	31/12/2015		01/01/2015	
	Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu (%)
1 Đầu tư vào công ty con				
Công ty CP Giống cây trồng Hà Tây	30,608	53.80%	30,608	53.80%
Công ty CP giống Nông lâm nghiệp Quảng Nam	450.100	90.02%	420,860	84.17%
Công ty Cổ phần giống cây trồng Miền Nam	9,219,130	61.49%	5,996,940	40.0%
2 Đầu tư vào đơn vị khác				
Công ty cổ phần GCT Thái Bình	99,938	10.03%	62,126	6.24%

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG**

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc
1 Đầu tư vào đơn vị khác Công ty CP Giống cây trồng Thái Bình	13,333,640,000			8,298,080,000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

**3. Phải thu của khách hàng**

	<b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	
	31/12/2015 (VND)	01/01/2015 (VND)
Tổng phải thu của khách hàng, trong đó các khách hàng dư nợ lớn:		
- Cục Trồng Trọt	279.152.385.401	113,501,026,773
- Phải thu các đối tượng khác	73.803.000.000	
	205.349.385.401	113,501,026,773
Phải thu nội bộ	1.264.916.503	
<b>Cộng</b>	<b>280.417.301.904</b>	<b>113,501,026,773</b>
Dự phòng phải thu khó đòi	(4,700,561,527)	(3,771,355,051)

**4. Trả trước cho người bán**

	31/12/2015 (VND)	01/01/2015 (VND)
Trả trước nhà thầu xây dựng, cung cấp máy móc	236,984,000	8,516,597,470
Trả trước cho nhà cung cấp khác	15,206,277,834	4,789,912,620
<b>Cộng</b>	<b>15,443,261,834</b>	<b>13,306,510,090</b>

**5. Phải thu khác**

	31/12/2015 (VND)		01/01/2015 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược ký quỹ				
Tạm ứng cho nhân viên	30.528.003.092		18,427,505,240	
Phải thu bên liên quan	(468.188.697)			
Phải thu khác	2.638.888.289		1,601,890,593	
<b>Cộng</b>	<b>32.698.702.684</b>		<b>20,029,395,833</b>	



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

**6. Nợ xấu**

	31/12/2015 (VND)		01/01/2015 (VND)	
	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị khoản phải thu quá hạn	4,700,561,527		3.771.355.051	
- Công ty TNHH Hải Anh			2,624,129,975	
- Khách hàng khác	4,700,561,527		1.147.225.076	

**7. Hàng tồn kho**

	31/12/2015 (VND)		01/01/2015 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường				
Nguyên liệu, vật liệu	152,605,191,321		19,425,963,814	
Công cụ, dụng cụ	1,778,766,386		542,847,442	
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	14,281,370,859		1,594,653,912	
Thành phẩm	212,378,131,030	(14,711,605,733)	177,244,589,598	(3,671,367,977)
Hàng hoá	60,590,564,549		29,541,281,538	
Hàng gửi bán	1,997,434			
<b>Cộng</b>	<b>441,636,021,579</b>	<b>(14,711,605,733)</b>	<b>228,349,336,304</b>	<b>(3,671,367,977)</b>

**8. Tài sản dở dang dài hạn**

	31/12/2015 (VND)	01/01/2015 (VND)
<b>Tổng số chi phí XDCB dở dang, trong đó:</b>		
Quyền sử dụng đất Kho DTQG	12,144,885,972	3,466,687,000
Dự án xây dựng nhà Phương Mai	2,113,446,664	2,113,446,664
Dự án xây dựng nhà làm việc		14,354,709,741
Dự án Đồng Văn		6,451,029,000
Công trình khác		434,291,000
<b>Cộng</b>	<b>14,258,332,636</b>	<b>26,820,163,405</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIÓNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG**

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

**9. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCD khác	Tổng
<b>I. Nguyên giá</b>						
1. Số đầu năm	54.228.200.166	32.636.545.615	15.410.412.623	700.563.000	160.000.000	103.135.721.404
2. Tăng, giảm trong năm	158.973.582.583	82.217.509.887	18.979.359.354	3.395.603.056	2.200.509.973	265.766.564.853
-Mua trong năm	-	4.143.987.900	1.260.177.000	1.435.350.248	-	6.839.515.148
-Đầu tư XD/CB hoàn thành	84.509.791.839	54.003.296.016	1.405.210.660	161.678.800	2.200.509.973	142.280.487.288
Tăng khác			360.700.000			360.700.000
- Tăng khác do chuyển từ công ty con	74.463.790.744	24.070.225.971	16.227.031.694	2.149.694.008	-	116.910.742.417
-Thanh lý, nhượng bán	-	-	(273.760.000)	(351.120.000)	-	(624.880.000)
3. Số cuối năm	213.201.782.749	114.854.055.502	34.389.771.977	4.096.166.056	2.360.509.973	368.902.286.257
<b>II. Giá trị hao mòn</b>						
1. Số đầu năm	23.090.069.315	20.548.768.661	7.114.110.765	572.459.195	160.000.000	51.485.407.936
2. Tăng, giảm trong năm	39.550.539.997	19.863.662.312	12.646.091.904	1.391.045.097	18.337.583	73.469.676.892
-Khấu hao trong năm	9.765.628.569	7.206.490.795	3.266.073.331	440.434.034	18.337.583	20.696.964.312
- Tăng khác do chuyển từ công ty con	29.784.911.428	12.657.171.517	9.504.199.145	950.611.063		52.896.893.152
-Thanh lý, nhượng bán			(124.180.572)			(124.180.572)
-Giảm khác						
3. Số cuối kỳ	62.640.609.312	40.412.430.973	19.760.202.669	1.963.504.292	178.337.583	124.955.084.828
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
1. Tại ngày đầu năm	31.138.130.851	12.087.776.954	8.296.301.858	128.103.805	0	51.650.313.468
2. Tại ngày cuối năm	150.561.173.438	74.441.624.529	14.629.569.308	2.132.661.764	2.182.172.390	243.947.201.429

-Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG**

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

**10. Tăng giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Bản quyền bằng phát minh	Phần mềm máy tính	Tổng
<b>I. Nguyên giá</b>				
1. Số đầu năm	<b>2.395.787.000</b>	<b>8.511.600.000</b>	<b>71.000.000</b>	<b>10.978.387.000</b>
2. Tăng trong kỳ	212.121.515.363	3.250.000.000	1.364.638.824	216.736.154.187
- Mua trong năm	-	3.250.000.000	830.175.000	4.080.175.000
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp				0
- Tăng khác do chuyển từ công ty con	212.121.515.363	-	605.463.824	212.726.979.187
- Thanh lý, nhượng bán				0
- Giảm khác	-	-	(71.000.000)	(71.000.000)
3. Số dư cuối kỳ	<b>214.517.302.363</b>	<b>11.761.600.000</b>	<b>1.435.638.824</b>	<b>227.714.541.187</b>
<b>II. Giá trị hao mòn</b>				
1. Số đầu năm	<b>120.000.000</b>	<b>4.763.616.665</b>	<b>71.000.000</b>	<b>4.954.616.665</b>
2. Tăng trong kỳ	5.348.598.047	1.580.316.673	308.421.612	7.237.336.332
- Khấu hao trong năm	338.025.295	1.580.316.673	145.157.790	2.063.499.758
- Tăng khác do chuyển từ công ty con	5.010.572.752	-	234.263.822	5.244.836.574
- Thanh lý, nhượng bán				-
- Giảm khác	0	0	(71.000.000)	(71.000.000)
3. Số dư cuối kỳ	<b>5.468.598.047</b>	<b>6.343.933.338</b>	<b>379.421.612</b>	<b>12.191.952.997</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>				
1. Tại ngày đầu năm	<b>2.275.787.000</b>	<b>3.747.983.335</b>	<b>0</b>	<b>6.023.770.335</b>
2. Tại ngày cuối kỳ	<b>209.048.704.316</b>	<b>5.417.666.662</b>	<b>1.056.217.212</b>	<b>215.522.588.190</b>

*-Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính*

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

**11. Chi phí trả trước**

	<u>31/12/2015</u> (VND)	<u>01/01/2015</u> (VND)
a. Ngắn hạn		
<i>Công cụ, vật liệu xuất dùng</i>	5,343,737,428	1,828,287,862
b. Dài hạn	12,339,663,924	107,276,119

c. Lợi thế thương mại

Khoản mục	HSC	QSC	SSC	Cuối kỳ
<b>1. Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	26,557,087,281	1,911,006,045	-	28.468.093.326
Tăng trong năm			232.759.389.035	232.759.389.035
Số dư cuối năm	26,557,087,281	1,911,006,045	232.759.389.035	261.227.482.361
<b>2. Khấu hao</b>				
Số dư đầu năm	10,622,834,913	140,693,754		10.763.528.667
Tăng trong năm	2,655,708,728	191,100,605	17.456.954.178	20.303.763.510
Số dư cuối năm	13,278,543,641	331,794,359	17.456.954.178	31.067.292.177
<b>3. Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày đầu năm	15,934,252,368	1,770,312,291	-	17.704.564.659
Tại ngày cuối năm	13,278,543,640	1,579,211,687	215.302.434.857	230.160.190.184

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG**  
Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

**12. Vay và nợ thuê tài chính**

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn ngân hàng	217,236,158,460	217,236,158,460	24,044,000,000	24,044,000,000
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-		
<b>Cộng</b>	<b>217,236,158,460</b>	<b>217,236,158,460</b>	<b>24,044,000,000</b>	<b>24,044,000,000</b>
Vay dài hạn ngân hàng	57,888,237,200	57,888,237,200	24,044,000,000	24,044,000,000
<b>Cộng</b>	<b>57,888,237,200</b>	<b>57,888,237,200</b>	<b>24,044,000,000</b>	<b>24,044,000,000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

**13. Phải trả người bán**

	31/12/2015 (VND)		01/01/2015 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty TNHH giống cây trồng Vạn Xuyên - TQ	110.387.430.055	110.387.430.055	90,499,209,984	90,499,209,984
Công ty TNHH Giống cây trồng Trọng Bang XN19 - CN Cty TNHH MTV Duyên Hải	41.701.362.241	41.701.362.241	47,018,337,704	47,018,337,704
Phải trả cho các đối tượng khác	10.652.610.112	10.652.610.112	14,153,658,760	14,153,658,760
Phải trả bên liên quan	9.543.663.000	9.543.663.000		
Phải trả dài hạn	48.489.794.702	48.489.794.702	29,327,213,520	29,327,213,520
<b>Cộng</b>	<b>110.387.430.055</b>	<b>110.387.430.055</b>	<b>90,499,209,984</b>	<b>90,499,209,984</b>

**14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

**a. Phải nộp**

	Số cuối kỳ	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	796.700.191	126.032.872
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.439.373.091	997.365.117
Thuế thu nhập cá nhân	1.704.745.488	1.089.261.015
Thuế đất	50.000.000	768.116.429
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.990.818.770</b>	<b>2.980.775.433</b>

**b. Phải thu**

	Số cuối kỳ	Đầu năm
Thuế GTGT được khấu trừ	3.545.544.620	7,400,000
Thuế và các khoản phải thu nhà nước	263.506.459	
<b>Cộng</b>	<b>3.809.051.079</b>	<b>7,400,000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

**15. Chi phí phải trả**

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	(VND)	(VND)
a Ngắn hạn	11,199,988,472	649,463,428
Chi phí phải trả khác	11,199,988,472	649,463,428
b Dài hạn		
<b>Cộng</b>	<u><b>11,199,988,472</b></u>	<u><b>649,463,428</b></u>

**16. Phải trả khác**

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
Chi phí đền bù đất phải trả- Dự án Đồng Văn		5,063,862,886
Kinh phí hỗ trợ giống gốc để sản xuất lúa lai	984,550,275	984,550,275
Chi phí phải trả Cục dự trữ Quốc gia		434,672,830
Chi phí phải trả - Dự án	2,748,814,790	559,835,000
BHXH	130,031,663	57,857,412
BHYT		
KPCĐ	235,984,300	14,720,200
BHTN		
Phải trả về cổ phần hóa		728,073,914
Cổ tức phải trả	31,502,635,310	937,629,310
Thù lao hội đồng quản trị		
Các khoản phải trả khác	16,641,217,804	7,211,691,514
	<u><b>52,243,234,142</b></u>	<u><b>15,992,893,341</b></u>

**17. Doanh thu chưa thực hiện**

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	(VND)	(VND)
Ngắn hạn		
Doanh thu nhận trước	69,739,000	



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG**  
 Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

**18. Vốn chủ sở hữu**

**a. Bảng biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Nguồn vốn XDCB	Lợi nhuận	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
A	1	2	3	4	5	6	8	9
Số dư ngày 01/01/2014	100,298,380,000	54,797,592,850		90,149,177,148	262,128,000	77,489,277,455	4,049,619,717	327,046,175,170
Lợi nhuận thuần trong năm						122,758,068,442		122,758,068,442
Phát hành cổ phiếu	52,651,620,000	276,447,935,000						329,099,555,000
Mua cổ phiếu quỹ			(102,270,000)					(102,270,000)
Bán cổ phiếu quỹ			102,270,000					102,270,000
Phân phối vào các quỹ				55,372,236,303		(55,372,236,303)		-
Phân phối quỹ khen thưởng, phúc lợi						(9,551,421,049)		(9,551,421,049)
Chi cổ tức						(15,029,416,500)		(15,029,416,500)
Sử dụng các quỹ				(4,588,070,921)				(4,588,070,921)
Thù lao HĐQT và BKS						(477,472,000)		(477,472,000)
Tặng khác					5,024,510,000		1,675,974,593	6,700,484,593
Giảm khác					(5,286,638,000)			(5,286,638,000)
Số dư ngày 31/12/2014	152,950,000,000	331,245,527,850	-	140,933,342,530	-	119,816,800,045	5,725,594,310	750,671,264,735

TP  
 UCH  
 TY T  
 PHA  
 NG  
 14





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

**b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu.**

	<u>31/12/2015</u> (VND)	<u>01/01/2015</u> (VND)
- Vốn góp của Nhà nước	0	0
- Vốn góp của đối tượng khác	152,950,000,000	152,950,000,000
<b>Cộng</b>	<b>152,950,000,000</b>	<b>152,950,000,000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<u>2015</u> (VND)	<u>2014</u> (VND)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	152,950,000,000	152,950,000,000
+ Vốn góp đầu năm		100,298,380,000
+ Vốn góp tăng trong năm		52,651,620,000
+ Vốn góp giảm trong năm		
+ Vốn góp cuối năm	152,950,000,000	152,950,000,000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		15%

**d. Cổ phiếu**

	<u>31/12/2015</u> (VND)	<u>01/01/2015</u> (VND)
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15,295,000	15,295,000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15,295,000	15,295,000
+ Cổ phiếu phổ thông	15,295,000	15,295,000
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	6,622	
+ Cổ phiếu phổ thông		
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15,288,378	15,295,000
+ Cổ phiếu phổ thông	15,288,378	15,295,000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/cổ phiếu

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

**e. Cổ tức**

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm	Năm 2015	Năm 2014
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông theo NQ Đại hội đồng cổ đông thường niên.	30%	30%
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi		

**f. Các quỹ của doanh nghiệp**

	<u>31/12/2015</u> (VND)	<u>01/01/2015</u> (VND)
Quỹ đầu tư phát triển	197,714,342,649	140,933,342,530
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	
<b>Cộng</b>	<b><u>197,714,342,649</u></b>	<b><u>140,933,342,530</u></b>

Các quỹ được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội Đồng cổ đông. Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ để phục vụ cho nghiên cứu, tái sản xuất, mở rộng kinh doanh.

**19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán.**

- a. Tài sản nhận giữ hộ : 762,740,055 đồng  
b. Hàng hóa nhận giữ hộ : 75,523,190,000 đồng  
c. Ngoại tệ :

Ngoại tệ	USD	CNY	LAK
Tại quỹ	19,124	29,401	1,000,000
Tại ngân hàng	35.61	71,595.87	-

- d. Nợ khó đòi đã xử lý là : 2.892.931.475 đồng

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG**

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Đơn vị tính : VND

**1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2015 đến 31/12/2015	Từ 01/01/2014 đến 31/12/2014
a. Doanh thu		
Doanh thu bán hàng	1,345,913,845,680	760,294,524,752
Doanh thu cung cấp dịch vụ	29,261,083,680	1,738,943,548
<b>Cộng</b>	<b>1,375,174,929,360</b>	<b>762,033,468,300</b>

**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Từ 01/01/2015 đến 31/12/2015	Từ 01/01/2014 đến 31/12/2014
Chiết khấu thương mại	52,194,350,662	6,227,401,130
Giảm giá hàng bán	1,296,057,030	6,800,334,253
Hàng bán bị trả lại	73,061,658,280	36,097,203,250
<b>Cộng</b>	<b>126,552,065,972</b>	<b>49,124,938,633</b>

**3. Giá vốn hàng bán**

	Từ 01/01/2015 đến 31/12/2015	Từ 01/01/2014 đến 31/12/2014
Giá vốn của hàng hóa đã bán	793,511,180,555	466,246,228,152
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		
<b>Cộng</b>	<b>793,511,180,555</b>	<b>466,246,228,152</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

**4. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ 01/01/2015 đến 31/12/2015	Từ 01/01/2014 đến 31/12/2014
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1,386,612,396	4,049,11,317
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2,947,527,600	834,592,800
Lãi chênh lệch tỷ giá	1,145,020,161	341,870,187
Doanh thu hoạt động tài chính khác	190,443,637	20,338,265
<b>Cộng</b>	<b>5,699,603,794</b>	<b>5,245,912,569</b>

**5. Chi phí tài chính**

	Từ 01/01/2015 đến 31/12/2015	Từ 01/01/2014 đến 31/12/2014
Lãi tiền vay	8,345,829,180	638,436,191
Chênh lệch giữa giá trị hợp lý và giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu	15,884,948,396	
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1,739,014,429	927,342,326
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(119,254,429)	546,665,300
Chiết khấu thanh toán	4,496,406,610	1,533,848,480
Chi phí hoạt động tài chính khác	4,196,665	88,495
<b>Cộng</b>	<b>30,351,140,851</b>	<b>3,646,380,792</b>

**6. Thu nhập khác**

	Từ 01/01/2015 đến 31/12/2015	Từ 01/01/2014 đến 31/12/2014
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	9,815,090,930	967,411,917
Các khoản khác	9,815,090,930	967,411,917
<b>Cộng</b>	<b>9,815,090,930</b>	<b>967,411,917</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

**4. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ 01/01/2015 đến 31/12/2015	Từ 01/01/2014 đến 31/12/2014
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1,386,612,396	4,049,11,317
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2,947,527,600	834,592,800
Lãi chênh lệch tỷ giá	1,145,020,161	341,870,187
Doanh thu hoạt động tài chính khác	190,443,637	20,338,265
<b>Cộng</b>	<b>5,699,603,794</b>	<b>5,245,912,569</b>

**5. Chi phí tài chính**

	Từ 01/01/2015 đến 31/12/2015	Từ 01/01/2014 đến 31/12/2014
Lãi tiền vay	8,345,829,180	638,436,191
Chênh lệch giữa giá trị hợp lý và giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu	15,884,948,396	
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1,739,014,429	927,342,326
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(119,254,429)	546,665,300
Chiết khấu thanh toán	4,496,406,610	1,533,848,480
Chi phí hoạt động tài chính khác	4,196,665	88,495
<b>Cộng</b>	<b>30,351,140,851</b>	<b>3,646,380,792</b>

**6. Thu nhập khác**

	Từ 01/01/2015 đến 31/12/2015	Từ 01/01/2014 đến 31/12/2014
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ		
Các khoản khác	9,815,090,930	967,411,917
<b>Cộng</b>	<b>9,815,090,930</b>	<b>967,411,917</b>

**7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Từ 01/01/2015 đến 31/12/2015	Từ 01/01/2014 đến 31/12/2014
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành	24.092.423.914	2,176,296,985
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của năm trước vào chi phí thuế TNDN năm nay	(673.161.203)	
Thuế thu nhập hoãn lại	2.121.806.242	-

*-Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính*

# CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

### 8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2015 đến 31/12/2015	Từ 01/01/2014 đến 31/12/2014
Lợi nhuận sau thuế TNDN (VND)	141.557.883.872	122.758.068.442
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân (cổ phiếu)	15.293.839	10.757.070
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	9.256	11.412

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Thông tin so sánh

Số liệu được sử dụng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung Ương đã được kiểm toán bởi Công ty trách nhiệm hữu hạn KPMG Việt Nam.

Ngày 03 tháng 02 năm 2016

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Như Quỳnh

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Phan Thế Ty

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Kim Liên